

Số: 1148 /QĐ-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu
theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 tại Sở Văn hóa và Thể thao**

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa và Thể thao;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 (Kế hoạch triển khai ISO năm 2020);

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-SVHTT ngày 05 tháng 01 năm 2021 về Duy trì và cải tiến mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001 năm 2021;

Căn cứ yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 của Sở;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng chính thức hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 tại Sở Văn hóa và Thể thao gồm các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở; Trưởng các phòng chức năng có thực hiện thủ tục hành chính, các công chức viên chức thuộc các phòng chức năng, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

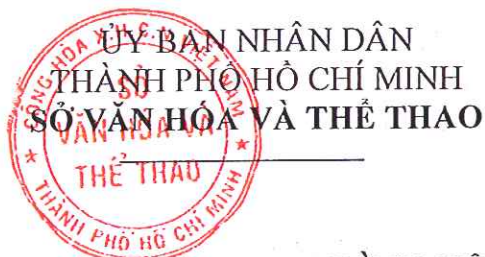
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Trọng Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-SVHTT ngày 22 tháng 8 năm 2021
của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Tên quy trình	Ghi chú
1.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	QT01
2.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	QT02
3.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	QT03
4.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	QT04
5.	Thủ tục cấp phép khai quật khẩn cấp	QT05
6.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	QT06
7.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	QT07
8.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	QT08
9.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	QT09
10.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	QT10
11.	Thủ tục Thỏa thuận thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh	QT11
12.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	QT12
13.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do hết	QT13

	hạn sử dụng hoặc bị hỏng	
14.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề	QT14
15.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	QT15
16.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng	QT16
17.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.	QT17
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	QT18
19.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT19
20.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận (tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; danh mục hoạt động thể thao kinh doanh)	QT20
21.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.	QT21
22.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp	QT22
23.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	QT23
24.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).	QT24

25.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke	QT32
26.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	QT33
27.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT34
28.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT35
29.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT36
30.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội	QT37
31.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	QT38
32.	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	QT39
33.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	QT40
34.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	QT41
35.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	QT42
36.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	QT43
37.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	QT44
38.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	QT45
39.	Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”	QT46
40.	Thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	QT47
41.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT48
42.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	QT49
43.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	QT50
44.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu	QT51

	khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài	
45.	Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.	QT52
46.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao	QT53
47.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	QT54
48.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	QT55
49.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	QT56
50.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	QT57
51.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT58
52.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT59
53.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT60
54.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT61
55.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT62
56.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT63
57.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	QT64
58.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực	QT65

	gia đình	
59.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	QT66
60.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	QT67
61.	Thủ tục tiếp nhận văn bản thông báo đối với vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam không phải do các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tổ chức nước ngoài tổ chức	QT68
62.	Thủ tục triển lãm tác phẩm Nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT69
63.	Thủ tục đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không phải đại diện cho quốc gia Việt Nam	QT70

